

Số: 3516/2026/QĐST-DS

Thành Phố H, ngày 27 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 2764/2026/DSST ngày 22/5/2026 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần M (nay là Công ty cổ phần J)

Địa chỉ trụ sở: Số 219 phố T, phường Y, Thành Phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đạt T;

2. Ngân hàng TMCP V (V),

Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường Đ, Thành Phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Thế V;

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1964,

Địa chỉ: 130A K, phường T, Tp. H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Nguyễn Minh Quang, sinh năm 1991.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ:

2.1.1. Bà Huỳnh Thị N còn nợ Công ty Cổ phần J số tiền nợ gốc và lãi tương ứng với tỷ lệ 95% của Hợp đồng cho vay số LN2407293333662, ngày 07/8/2024 và toàn bộ nợ gốc và lãi của Hợp đồng thế tín dụng số 218-P-0881301 ngày 07/08/2024, tạm tính đến ngày 17/7/2026 là 565.733.972 (năm trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn, chín trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 428.985.800 đồng, Nợ lãi: 118.521.576 đồng; Nợ thế: 18.226.596 đồng.

2.1.2. Bà Huỳnh Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi tương ứng với tỷ lệ 5% của Hợp đồng cho vay số LN2407293333662, ngày 07/8/2024, tạm tính đến ngày 17/7/2026 là 28.816.178 (hai mươi tám triệu, tám trăm mười sáu ngàn, một trăm bảy mươi tám) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 22.578.200 đồng, Nợ lãi: 6.237.978 đồng.

2.1.3. Kể từ ngày 18/7/2026, Bà Huỳnh Thị N tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi Bà Huỳnh Thị N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J.

2.2. Về nghĩa vụ thanh toán:

2.2.1. Buộc Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần J số tiền nợ gốc và lãi tương ứng với tỷ lệ 95% của Hợp đồng cho vay số LN2407293333662, ngày 07/8/2024 và toàn bộ nợ gốc và lãi của Hợp đồng thế tín dụng số 218-P-0881301 ngày 07/08/2024, tạm tính đến ngày 17/7/2026 là 565.733.972 (năm trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn, chín trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 428.985.800 đồng, Nợ lãi: 118.521.576 đồng; Nợ thế: 18.226.596 đồng.

2.2.2. Buộc Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi tương ứng với tỷ lệ 5% của Hợp đồng cho vay số LN2407293333662, ngày 07/8/2024, tạm tính đến ngày 17/7/2026 là 28.816.178 (hai mươi tám triệu, tám trăm mười sáu ngàn, một trăm bảy mươi tám) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 22.578.200 đồng, Nợ lãi: 6.237.978 đồng.

2.2.3. Kể từ ngày 18/7/2026, Bà Huỳnh Thị N tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi Bà Huỳnh Thị N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J.

2.2.4. Thời hạn thanh toán nợ: Chậm nhất đến ngày 17/8/2026, Bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J.

2.2.5. Việc giao nhận tiền do các bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2.6. Trường hợp Bà Huỳnh Thị N thanh toán xong các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp và trả lại cho Bà Huỳnh Thị N các giấy tờ liên quan tài sản thế chấp ghi trong hợp đồng thế chấp do các bên ký kết.

2.2.7. Trường hợp Bà Huỳnh Thị N không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2407293333662, ngày 07/8/2024 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J, đối với tài sản thế chấp là: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu: MG, số loại MG5 1.5L LUX, số khung MMLA36U68RG014011, số máy 15S4C5QTR4080025. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 51L-238.62 bao gồm luôn tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ,... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp, thuộc quyền sở hữu của Bà Huỳnh Thị N.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hòa giải thành dân sự là 13.756.462 (mười ba triệu, bảy trăm năm mươi sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi hai) đồng, hai bên thỏa thuận Bà Huỳnh Thị N nộp. Tuy nhiên, Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1964 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên bà Nở được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 10.932.486 (mười triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn, bốn trăm tám mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032000 ngày 22/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 4 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. H;
- VKSND Khu Vực X;
- THADS Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ;

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N